

Số: 11/QĐ-CVHHTTH

Huế, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước
năm 2026 - nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề
của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế

GIÁM ĐỐC CẢNG VỤ HẠNG HẢI THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về tổ chức và hoạt động của Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 1343/QĐ-BXD ngày 15/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc tổ chức lại Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế trực thuộc Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-BXD ngày 29/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 - nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề;

Theo đề nghị của bà Kế toán trưởng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 - nguồn chi giáo dục đào tạo của Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế như sau:

Chi sự nghiệp giáo dục - Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức (070-085):

+ Chi thường xuyên không giao tự chủ: 50 triệu đồng

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Kế toán trưởng, Trưởng các phòng, Thủ trưởng các

đơn vị trực thuộc và viên chức, người lao động Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CHHĐTVN (b/cáo);
- Website đơn vị, tPublic;
- Lưu: VT, TCKT (01b).

Q. GIÁM ĐỐC

Nghiêm Giang Nam

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2439/QĐ-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026 - nguồn chi
giáo dục đào tạo và dạy nghề**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của các đơn vị và theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026, nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề cho các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, chi tiết như phụ lục kèm theo.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- KBNN Trung ương;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị nhận dự toán);
- Công TTĐT Bộ XD (để công khai);
- Lưu VT, KHTC(H).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Minh Hà

THUYẾT MINH

Giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026, nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề

(Kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-BXD ngày 29/12/2025 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

A. Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;
- Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP;
- Căn cứ báo cáo của các đơn vị và các quyết định phê duyệt nhiệm vụ theo quy định.

B. Giao dự toán chi ngân sách nhà nước (nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề) năm 2026

Tại Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025, Thủ tướng Chính phủ đã giao dự toán nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2026 cho Bộ Xây dựng với tổng kinh phí là: 709.032 triệu đồng (bao gồm: (i) 704.660 triệu đồng để chi cho giáo dục đào tạo và dạy nghề; (ii) 4.372 triệu đồng chi cho du học sinh Lào và Campuchia thuộc diện Hiệp định – nguồn CK); căn cứ quy định tại Điều 49, Luật NSNN, Bộ Xây dựng giao dự toán nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2026 như sau:

1. Về nguyên tắc giao

a) Tại điểm c, d, mục 2, Điều 2 của Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 của Thủ tướng chính phủ có yêu cầu Bộ trưởng các Bộ chỉ đạo các cơ quan đơn vị trực thuộc thực hiện tiết kiệm: (i) 10% chi thường xuyên tăng thêm năm 2026 so với năm 2025 để cải cách tiền lương; (ii) tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên để bổ sung nguồn chi an sinh xã hội. Tuy nhiên, tại quyết định chưa hướng dẫn về phạm vi, đối tượng thực hiện tiết kiệm. Do vậy, Bộ Xây dựng tạm thời chưa phân bổ khoản kinh phí tương đương với 10% trên tổng nguồn giao cho Bộ Xây dựng (70.903,200 triệu đồng). Sau khi Chính phủ có nghị quyết hướng dẫn về phạm vi và đối tượng thực hiện tiết kiệm, Bộ Xây dựng sẽ thực hiện và phân bổ tiếp phần dự toán chưa phân bổ.

b) Đối với phần dự toán còn lại 638.128,800 triệu đồng, Bộ Xây dựng thực hiện phân bổ như sau:

(i) Đối với nguồn chi thường xuyên giao tự chủ, được căn cứ trên các quyết định và văn bản thẩm định giao tự chủ giai đoạn 2026 – 2030 để giao cho các đơn

vị¹ theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ. Theo đó, năm 2026 kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ cho 11 đơn vị sự nghiệp thuộc (nhóm 3) là 191.541,170 triệu đồng.

(ii) Đối với nguồn chi thường xuyên không giao tự chủ, trên cơ sở các danh mục nhiệm vụ chi được phê duyệt tại Quyết định số 1292/QĐ-BXD ngày 11/8/2025 về việc phê duyệt danh mục nhu cầu, dự kiến kinh phí một số nhiệm vụ chi không thường xuyên sử dụng ngân sách nhà nước nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2026 của các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, Quyết định số 2062/QĐ-BXD ngày 17/11/2025 phê duyệt Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Bộ Xây dựng năm 2026; Báo cáo của các đơn vị, Bộ Xây dựng phân bổ theo thứ tự ưu tiên sau:

(1) Cấp kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, chính sách dân tộc nội trú và các chính sách khác tính cho số học sinh, sinh viên có mặt đang theo học tại các trường. Tuy nhiên, do nhu cầu đề xuất của các đơn vị cao (270.697,186 tỷ đồng), trong khi tại Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025, Thủ tướng Chính phủ giao: 249.082 triệu đồng; do vậy căn cứ tỷ lệ theo nhu cầu của từng đơn vị thực hiện phân bổ cho từng trường, đảm bảo không vượt trần theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Đối với kinh phí chưa được giao, Bộ Xây dựng sẽ đề nghị Bộ Tài chính cấp bổ sung theo quy định (Chi tiết tại phụ lục tổng hợp kèm theo).

(2) Cấp Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ. Tại Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025, Thủ tướng Chính phủ giao Quỹ tiền thưởng là: 21.170 triệu đồng. Sau khi rà soát trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, Bộ Xây dựng giao 19.385,546 triệu đồng (Chi tiết tại phụ lục tổng hợp kèm theo).

(3) Cấp kinh phí tinh giản biên chế theo đúng Quyết định phê duyệt của Bộ Xây dựng² (Chi tiết tại phụ lục tổng hợp kèm theo);

(4) Chi đào tạo đào tạo Tiến sỹ theo Đề án 89, cấp đủ theo nhu cầu của các đơn vị (Chi tiết tại phụ lục tổng hợp kèm theo).

(5) Chi đào tạo lại cán bộ công chức, trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, thực hiện phân bổ đảm bảo bằng đúng số giao Tại Quyết định số 2660/QĐ-TTg ngày 05/12/2025 là: 11.180 triệu đồng (Chi tiết tại phụ lục tổng hợp kèm theo).

(6) Chi nguồn CK (chi đào tạo du học sinh Lào và Campuchia theo diện Hiệp định): 4.372 triệu đồng;

(7) Chi sửa chữa, chống xuống cấp cơ sở hoạt động sự nghiệp của các trường: căn cứ nguồn chi còn lại, Bộ Xây dựng phân bổ theo tỷ lệ nhu cầu báo cáo của các đơn vị; thứ tự ưu tiên của các nhiệm vụ để sắp xếp đảm bảo cân đối không vượt quá tổng mức được giao theo quy định và cân đối với quy mô cơ sở vật chất hiện đang quản lý, sử dụng của đơn vị.

¹ Tại Quyết định số 1534/QĐ-BXD ngày 12/9/2025, số 1581/QĐ-BXD ngày 22/9/2025 và các văn bản thẩm định phương án tự chủ giai đoạn 2026 - 2030.

² Quyết định số 725/QĐ-BXD ngày 30/5/2025.

2. Về số liệu giao dự toán năm 2026

Tổng số giao: 709.032 triệu đồng. Trong đó:

(i) Chưa phân bổ kinh phí tiết kiệm 10% chờ hướng dẫn: 70.903,200 triệu đồng.

(ii) Giao đợt này 638.128,800 triệu đồng. Bao gồm:

- Giao Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ: 191.541,170 triệu đồng.
- Giao kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ: 446.587,630 triệu đồng. Trong đó:

+ Chi đào tạo cán bộ công chức: 11.180 triệu đồng;
+ Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, chính sách dân tộc nội trú và các chính sách khác: 249.082 triệu đồng;

+ Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP: 19.385,546 triệu đồng;

+ Tinh giản biên chế: 646,102 triệu đồng;

+ Đào tạo tiến sỹ theo Đề án 89: 586 triệu đồng;

+ Nguồn CK (chi đào tạo du học sinh Lào và Campuchia): 4.372 triệu đồng;

+ Kinh phí sửa chữa trụ sở, nhà làm việc, phòng học: 161.335,982 triệu đồng.

Trên cơ sở đó, Bộ Xây dựng giao dự toán nguồn chi giáo dục đào tạo và dạy nghề năm 2026 cho các đơn vị, chi tiết như Phụ lục gửi kèm theo./.

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN NĂM 2026 - NGUỒN ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng)

Đơn vị tính: ngàn đồng

TT	Tên danh mục công trình	Giao dự toán 2025	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	Trong đó							
					Chi đào tạo CBCC	KP miễn giảm học phí	KP hỗ trợ chi phí học tập, chính sách dân tộc nội trú và các chính sách khác	Sửa chữa trụ sở, nhà làm việc, phòng học	Quỹ tiền thưởng	Tinh giản biên chế	CK	Đào tạo tiến sỹ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng	709.032.000	191.541.170	517.490.830	11.180.000	237.706.688	11.375.312	232.239.182	19.385.546	646.102	4.372.000	586.000
I	Đào tạo đại học và cao đẳng	634.448.800	191.541.170	442.907.630	7.500.000	237.706.688	11.375.312	161.335.982	19.385.546	646.102	4.372.000	586.000
1	Trường Cao đẳng GTVT TW I	43.551.058	9.212.000	34.339.058	0	22.125.515	3.360.240	7.500.000	1.429.000	0	0	0
2	Trường Cao đẳng GTVT TW II	39.010.061	13.289.000	25.721.061	0	16.792.061	0	7.900.000	953.303	0	0	0
3	Trường Cao đẳng GTVT TW IV	25.250.359	6.925.000	18.325.359	0	8.640.125	4.363.132	3.896.000	780.000	646.102	0	0
4	Trường Cao đẳng GTVT TW V	59.688.109	13.639.170	46.048.939	0	26.383.775	1.891.000	16.023.164	1.751.000	0	0	0
5	Trường Cao đẳng GTVT TW III	73.568.831	20.208.000	53.360.831	0	45.532.326	0	5.093.662	2.734.843	0	0	0
6	Phân hiệu Trường Đại học Công nghệ GTVT	21.685.435	0	21.685.435	0	2.089.955	146.080	18.931.000	0	0	518.400	0
7	Trường Đại học HHVN	51.263.820	0	51.263.820	0	29.309.533	99.060	21.753.156	0	0	0	102.071
8	Trường Đại học GTVT TP. Hồ Chí Minh	4.228.317	0	4.228.317	0	3.666.717	561.600	0	0	0	0	0
9	Học viện Hàng không Việt Nam	8.716.956	0	8.716.956	0	4.807.002	0	0	0	0	3.578.000	331.954
10	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	24.021.178	0	24.021.178	0	4.570.403	97.200	19.000.000	0	0	201.600	151.975
11	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh	9.498.556	0	9.498.556	0	1.258.556	84.000	8.082.000	0	0	74.000	0
12	Trường Đại học Xây dựng miền Trung	47.869.841	29.710.000	18.159.841	0	1.191.641	0	13.768.200	3.200.000	0	0	0
13	Trường Đại học Xây dựng miền Tây	45.832.875	24.998.000	20.834.875	0	351.075	0	17.983.800	2.500.000	0	0	0
14	Trường Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy I	84.450.511	19.877.000	64.573.511	0	51.055.511	233.000	10.800.000	2.485.000	0	0	0
15	Trường Cao đẳng Hàng hải và Đường thủy II	40.832.338	16.388.000	24.444.338	0	19.428.338	0	3.632.000	1.384.000	0	0	0
16	Trường Cao đẳng GTVT Đường bộ	10.096.555	7.540.000	2.556.555	0	504.155	0	1.995.000	57.400	0	0	0
17	Viện Khoa học Công nghệ Xây dựng	180.000	0	180.000	0	0	180.000	0	0	0	0	0
18	Viện Kiến trúc Quốc gia	360.000	0	360.000	0	0	360.000	0	0	0	0	0
19	Học viện Chiến lược, bồi dưỡng Cán bộ XD	44.344.000	29.755.000	14.589.000	7.500.000	0	0	4.978.000	2.111.000	0	0	0
II	Đào tạo cán bộ công chức	3.680.000	0	3.680.000	3.680.000	0	0	0	0	0	0	0
20	Văn phòng Bộ Xây dựng	781.000	0	781.000	781.000							
21	Cơ quan Cục Đường bộ Việt Nam	172.000	0	172.000	172.000							
22	Văn phòng Khu QLDB I	85.000	0	85.000	85.000							
23	Văn phòng Khu QLDB II	97.000	0	97.000	97.000							
24	Văn phòng Khu QLDB III	188.000	0	188.000	188.000							
25	Văn phòng Khu QLDB IV	43.000	0	43.000	43.000							
26	Văn phòng Cục HH và ĐT Việt Nam	80.000	0	80.000	80.000							
27	Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Bắc	35.000	0	35.000	35.000							
28	Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam	50.000	0	50.000	50.000							
29	Cảng vụ ĐTNĐ Khu vực II	50.000	0	50.000	50.000							
30	Cảng vụ ĐTNĐ Khu vực III	50.000	0	50.000	50.000							
31	Cảng vụ ĐTNĐ Khu vực IV	50.000	0	50.000	50.000							
32	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ninh	50.000	0	50.000	50.000							
33	Cảng vụ Hàng hải Hải Phòng	50.000	0	50.000	50.000							
34	Cảng vụ Hàng hải Thái Bình	50.000	0	50.000	50.000							
35	Cảng vụ Hàng hải Thanh Hoá	50.000	0	50.000	50.000							

TT	Tên danh mục công trình	Giao dự toán 2025	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	Trong đó							
					Chi đào tạo CBCC	KP miễn giảm học phí	KP hỗ trợ chi phí học tập, chính sách dân tộc nội trú và các chính sách khác	Sửa chữa trụ sở, nhà làm việc, phòng học	Quỹ tiền thưởng	Tình giảm biên chế	CK	Đào tạo tiền sỹ
36	Cảng vụ Hàng hải Nghệ An	40.000	0	40.000	40.000							
37	Cảng vụ Hàng hải Hà Tĩnh	50.000	0	50.000	50.000							
38	Cảng vụ Hàng hải Quảng Trị	50.000	0	50.000	50.000							
39	Cảng vụ Hàng hải TT Huế	50.000	0	50.000	50.000							
40	Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng	50.000	0	50.000	50.000							
41	Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi	50.000	0	50.000	50.000							
42	Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn	50.000	0	50.000	50.000							
43	Cảng vụ Hàng hải Nha Trang	50.000	0	50.000	50.000							
44	Cảng vụ Hàng hải Bình Thuận	50.000	0	50.000	50.000							
45	Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai	50.000	0	50.000	50.000							
46	Cảng vụ Hàng hải TP. Hồ Chí Minh	84.000	0	84.000	84.000							
47	Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ	50.000	0	50.000	50.000							
48	Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang	50.000	0	50.000	50.000							
49	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	141.000	0	141.000	141.000							
50	Văn phòng Cục Đường sắt Việt Nam	32.000	0	32.000	32.000							
51	Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng	150.000	0	150.000	150.000							
52	Cục Đăng kiểm Việt Nam	339.000	0	339.000	339.000							
53	Cục Quản lý nhà và Thị trường BĐS	114.000	0	114.000	114.000							
54	Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình Xây dựng	113.000	0	113.000	113.000							
55	Cục KCHT Xây dựng	186.000	0	186.000	186.000							
56	Cục Y tế	50.000	0	50.000	50.000							
III	Kinh phí tiết kiệm 10% chờ hướng dẫn	70.903.200		70.903.200				70.903.200				

GIAO DƯ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 2439/QĐ-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ Xây dựng)

Đơn vị: Cảng vụ Hàng hải Thừa Thiên Huế

Mã QHNS: 1077951

Mã kho bạc: 1611

Đơn vị tính: nghìn đồng

TT	Nội dung	Kinh phí
	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	50.000
	Chi sự nghiệp giáo dục - Đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ khác cho cán bộ, công chức, viên chức (070-085)	50.000
	<i>Chi TX không giao Tự chủ</i>	<i>50.000</i>
	Chi đào tạo, bồi dưỡng công chức trong nước	50.000

